TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HSST
Ngày: 26/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Giang Kim Pới.
2. Ông Lê Văn Do.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Hiền Băng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/HSST, ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Công M, sinh năm 1998 tại Đăk Lăk;

Nơi cư trú: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Chính H sinh năm 1977 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1979;

Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 02/2016/HSST (Bản án này đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/7/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1968 – địa chỉ: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Nguyễn Chính H, sinh năm 1977; trú tại: Thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2018 đến ngày 26/7/2019, Nguyễn Công M đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng bán phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N (sinh năm 1968) thuộc thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ, ngày 18/12/2018, Nguyễn Công M đi bộ tại khu vực thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai với mục đích tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước cửa hàng bán phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N (sinh năm 1968), thấy cửa kho hàng không khóa, không có người trông coi nên bị can đi đến vị trí chiếc bàn bàn màu trắng, làm bằng gỗ ép (bàn bán hang) lấy một chùm chìa khóa đang để trên bàn để mở ngăn hộc bàn ra. Bị can lục tìm và lấy được số tiền 1.700.000 đồng cất vào người rồi đi về nhà.

Lần thứ 2: Vào khoảng 20 giờ, ngày 19/01/2019, Nguyễn Công M đi bộ từ nhà đến cửa hàng phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N để tiếp tục trộm cắp tài sản. Do cổng vào cửa hàng đã bị khóa nên bị can trèo qua hàng rào để vào bên trong. Lúc này, cửa chính vào kho hàng cũng bị khóa và nhìn thấy phía trên có các ô thông gió (hàn từ các thanh sắt) đủ độ hở nên bị can trèo lên rồi chui qua ô cửa thông gió để vào bên trong . Bị can đi đến bàn bán hàng màu trắng làm bằng gỗ ép, nhìn thấy hộc bàn đã khóa nên đã dùng tay giật bung cửa và lấy được số tiền 2.000.000 đồng rồi trèo ra ngoài theo lối đã vào.

Lần thứ 3: Vào khoảng 21 giờ, ngày 17/02/2019, Nguyễn Công M tiếp tục đến cửa hàng phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N để trộm cắp tài sản. Do cổng bị khóa nên M trèo qua tường rào vào bên trong sân, nhìn thấy cửa vào kho bán hàng bị khóa và các ô thông gió phía trên được gia cố hàn kín bằng các thanh sắt nên bị can đã về nhà lấy một chiếc cờ lê, loại 10mm quay lại tiệm bán phân bón của chị N. Bị can trèo lên theo đường ống nhựa thoát nước lên mái tôn của cửa hàng, dùng chiếc cờ lê vặn mở 05 đến 06 ốc vít tôn trên mái rồi lật tôn chui vào bên trong. Bị can đi đến bàn bán hàng lục hộc bàn (lúc này không bị khóa) và lấy được số tiền 1.200.000 đồng. Bị can trèo lên theo đường lối cũ để ra ngoài.

Lần thứ 4: Khoảng 12 giờ, 30 phút, 23/4/2019, Nguyễn Công M tiếp tục đi bộ đến cửa hàng phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N để trộm cắp tài sản. Nhìn thấy cửa kho bán hàng không khóa nên bị can đi thẳng vào bên trong đến bàn bán hàng, mở cửa ngăn bàn và lấy trộm số tiền 6.750.000 đồng rồi đi ra ngoài.

Lần thứ 5: Khoảng 18 giờ ngày 26/7/2019, Nguyễn Công M điều khiển chiếc xe máy biển số 81F2-2108 đi đến cửa hàng phân bón chị Nguyễn Thị Thu N để trộm cắp tài sản. Bị can điều khiển xe máy đến cất giấu tại vườn cà phê cách khoảng 01km rồi đi bộ đến cửa hàng phân bón của chị N. Do cửa cổng chính đã khóa nên bị can trèo qua tường để vào trong thì bị gia đình chị N phát hiện, truy đuổi nhưng bị can đã bỏ chạy thoát.

Ngày 30/7/2019, chị Nguyễn Thị Thu N đến Công an xã I, huyện Đ trình báo vụ việc và giao nộp 01 đĩa CD trích xuất từ camera tại cửa hàng phân bón có ghi lại hình ảnh bị can thực hiện hành vi phạm cắp. Đến ngày 31/7/2019, bị can đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tất cả số tiền trộm cắp được, bị can đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số: 38/CT-VKS, ngày 05 tháng 11 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Công M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M từ **15** (*mười lăm*) đến **18** (*mười tám*) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý các kiến đề nghị về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được xác định theo lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/12/2018 đến ngày 26/7/2019, tại cửa hàng bán phân bón của chị Nguyễn Thị Thu N thuộc thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Công M đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị N với tổng số tiền là 11.650.000 đồng sau đó tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường cho chị N số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai báo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Công M đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo là một thanh niên đã trưởng thành, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, trong coi tài sản của chị Nguyễn Thị Thu N để nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt của chị N tổng số tiền là 11.650.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thu N có lời khai thể hiện do chị có sự sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản nên đã tạo điều kiện để bị cáo thực hiện thành công hành vi chiếm đoạt tài sản. Chị N cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Chính H (cha đẻ của bị cáo) khai rằng chiếc xe máy biển số 81F2-2108 thuộc sở hữu của ông nhưng ông không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Sau khi bị cáo bị bắt thì có tác động để ông bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông không có ý kiến gì về chiếc xe cũng như việc bồi thường đó nữa.

[3]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe máy biển số 81F2-2108 qua điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Chính H (cha của bị cáo). Việc bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi trộm cắp ông H không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ và xử lý là có căn cứ.

- Đối với 01 đĩa CD được trích xuất từ camera do chị Nguyễn Thị Thu N giao nộp có ghi lại hình ảnh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động cha đẻ là ông Nguyễn Chính H bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 2.500.000 đồng. Người bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại và tiền sửa chữa chiếc bàn bị hư hỏng do bị bị cáo cạy phá với tổng số tiền là 11.150.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đó cho bị hại.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M **15** (*mười lăm*) tháng tù, thời hạn tù được tính từ bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 31 tháng 7 năm 2019).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự;

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Công M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu N số tiền bị chiếm đoạt còn lại và tiền sửa chữa chiếc bàn bị hư hỏng do bị bị cáo cạy phá với tổng số tiền là 11.150.000 đồng (*Mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Xử buộc bị cáo Nguyễn Công M phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 557.500 đồng (*Năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- CA huyện Đak Đoa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- THAHS - THADS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Huy Viễn